

Số: **185/2020/QĐST-HNGĐ**

Liên Chiểu, ngày 04 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 401/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Nguyễn Thế T – sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT: Khu phố 4, phường 5, TP. Đ, T.Q; nơi cư trú: 256/17 Ấ, phường H, quận L, TP.Đà Nẵng và bà Nguyễn Thị Kiều O – sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị Kiều O kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, TP. Đ, T.Quảng Trị theo Giấy chứng nhận kết hôn số 174/2014 ngày 08 tháng 09 năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù cả hai đã cố gắng tự hòa giải, gia đình hai bên cũng đã động viên hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2018. Nay cả hai ông bà xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị Kiều O xác định có 01 con chung là Nguyễn Công Thế B – sinh ngày 25 tháng 11 năm 2014 và thống nhất thỏa thuận: Giao con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

[3] Về quan hệ chia tài sản: Ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị Kiều O xác định không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ ông bà.

Xét thấy: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị Kiều O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai tự nguyện ly hôn. Ông T và bà O cũng đã thỏa thuận được việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của con. Việc thỏa thuận của ông T và bà O là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã

hội. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị Kiều O về việc yêu cầu “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị Kiều O thống nhất thuận tình ly hôn.

1.2 Về quan hệ con chung: Giao 01 con chung Nguyễn Công Thế B – sinh ngày 25 tháng 11 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông Nguyễn Thế T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị Kiều O xác định không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ ông bà.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị Kiều O chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0004723 ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông T và bà O đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND P.5, TP. Đ, T.Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Hữu Vinh